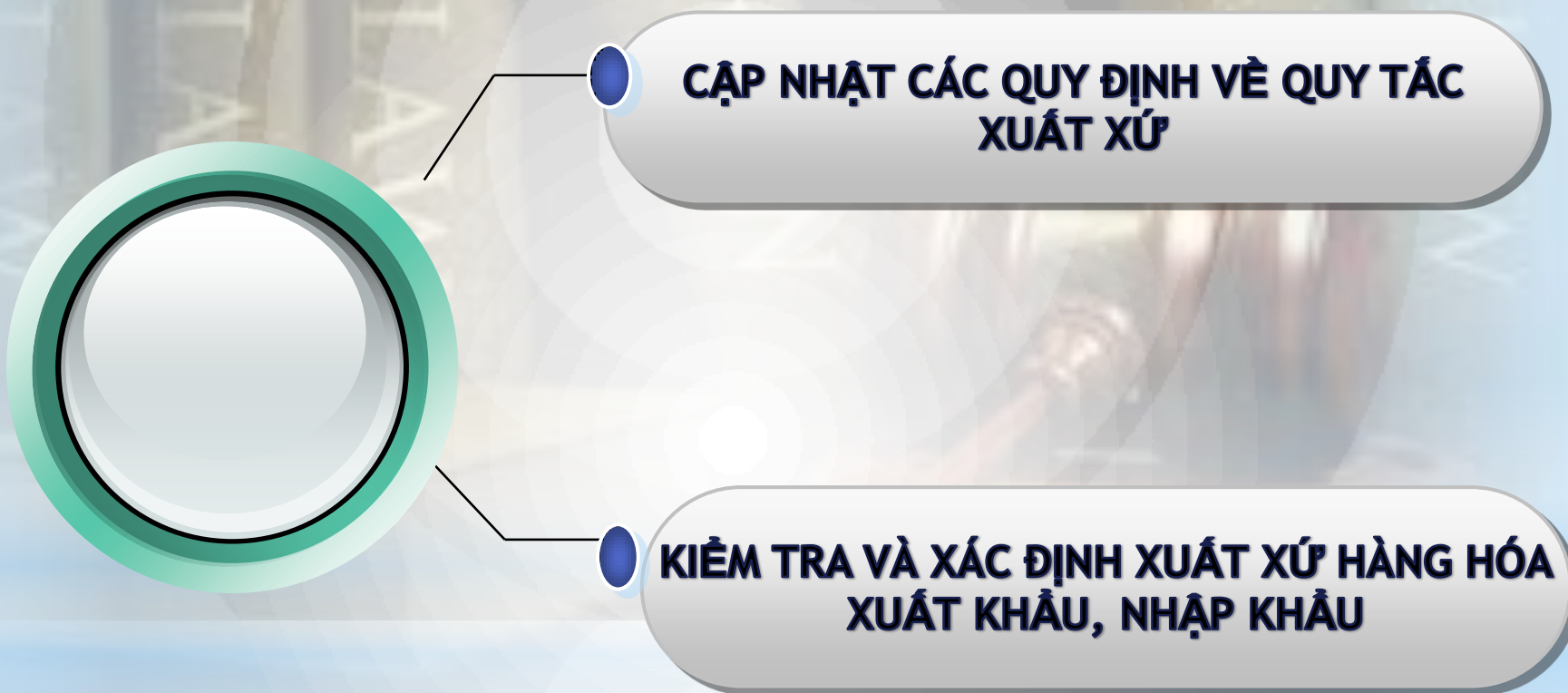


CẬP NHẬT QUY ĐỊNH VỀ XUẤT XỨ HÀNG HÓA

BỐ CỤC BÀI GIẢNG



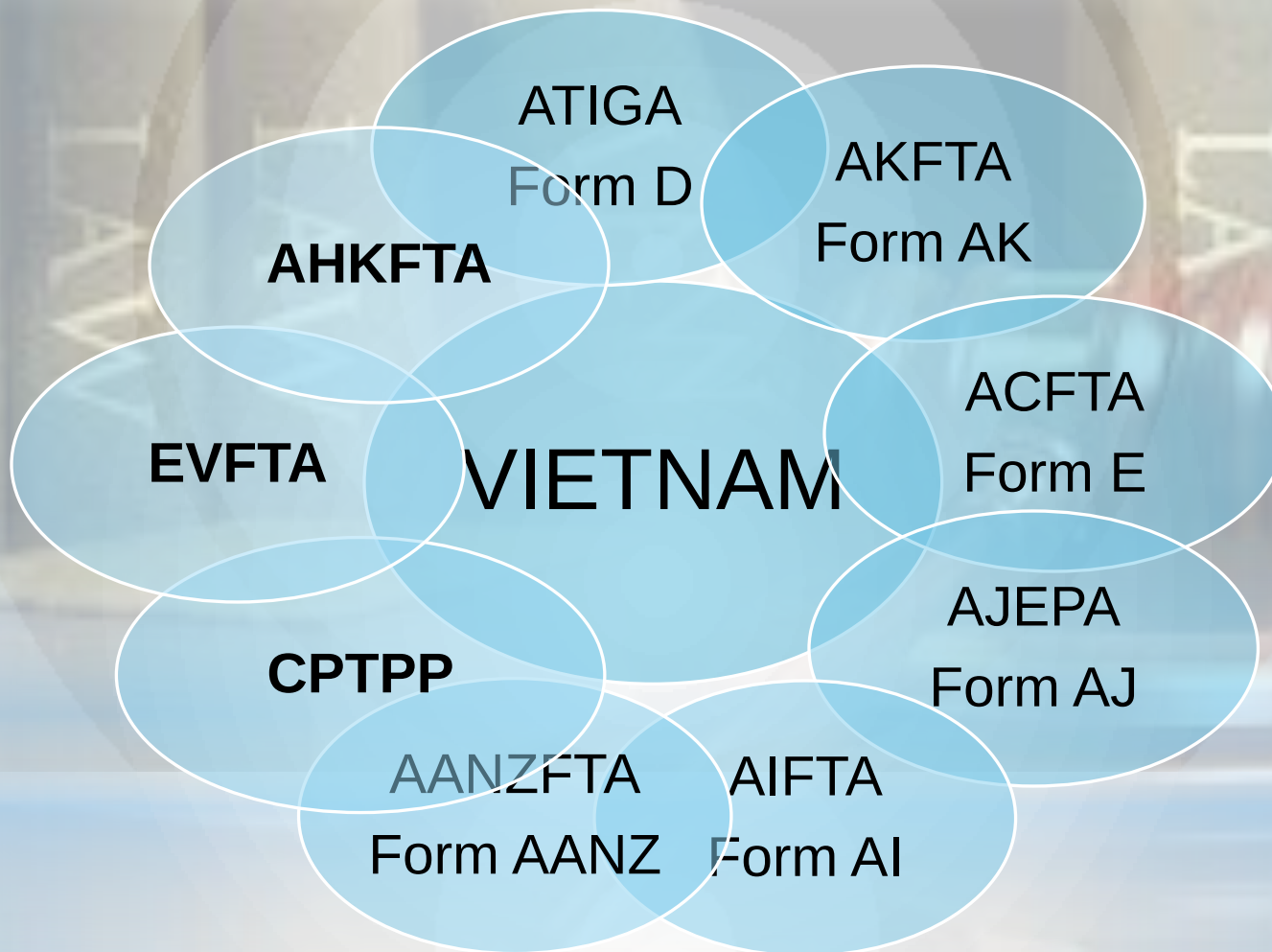
CẬP NHẬT CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUY TẮC XUẤT XỨ

KIỂM TRA VÀ XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

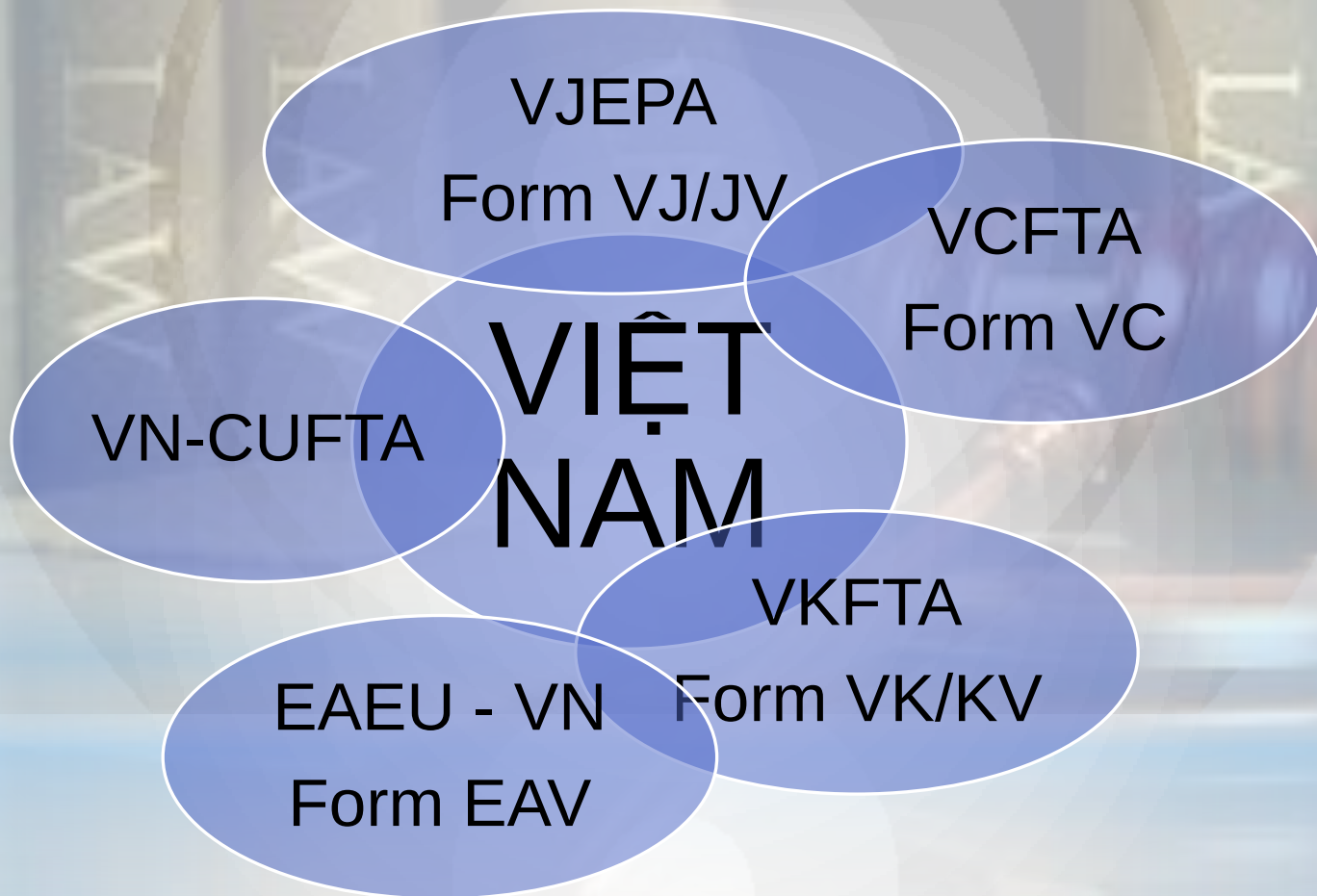
PHẦN I:

CẬP NHẬT CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUY TẮC XUẤT XÚ

HIỆP ĐỊNH ĐA PHƯƠNG



HIỆP ĐỊNH SONG PHƯƠNG





VĂN BẢN PHÁP QUY VỀ XUẤT XÚ

VĂN BẢN CHUNG

- Luật Quản lý ngoại thương
- Luật Thương mại
- Luật Hải quan (Điều 27, Điều 28)
- Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 25/01/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan.
- Nghị định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 08/2015/NĐ-CP
- Nghị định 31/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa.
- Thông tư 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 quy định về xuất xứ hàng hóa.

VĂN BẢN CHUNG

- Thông tư 38/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
- Thông tư 62/2019/TT-BTC ngày 05/9/2019 sửa đổi, bổ sung TT 38/2018/TT-BTC
- Thông tư 28/2015/TT-BCT ngày 20/8/2015 quy định thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN
- Thông tư 27/2017/TT-BCT ngày 6/12/2017 sửa đổi TT 28/2015/TT-BCT quy định thực hiện thí điểm tự CNXX hàng hóa trong ASEAN
- Thông tư 38/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 quy định thực hiện chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo GSP của Liên minh Châu Âu, Na Uy, Thụy Sĩ và Thổ Nhĩ Kỳ
- Thông tư 39/2018/TT-BCT ngày 30/10/2018 quy định kiểm tra, xác minh xuất xứ hàng hóa xuất khẩu

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA ATIGA

- Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016 về Quy chế xuất xứ ASEAN (C/O mẫu D).
- Thông tư số 10/2019/TT-BCT ngày 22/7/2019 sửa đổi, bổ sung TT 22/2016/TT-BCT.
- Nghị định số 156/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 Ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2018-2022.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA ASEAN - TRUNG QUỐC

- Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 của Bộ Công Thương quy định QTXH trong ACFTA
- Nghị định số 153/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN - Trung Quốc giai đoạn 2018-2022.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA ASEAN - HÀN QUỐC

- Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong FTA ASEAN – Hàn Quốc.
- Thông tư số 04/2015/TT-BCT ngày 16/3/2015 sửa đổi, bổ sung Quy tắc cụ thể mặt hàng ban hành kèm theo Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2014
- Thông tư số 26/2018/TT-BCT ngày 14/9/2018 sửa đổi, bổ sung phụ lục IV, Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25 tháng 6 năm 2014
- Thông tư số 13/2019/TT-BCT ngày 31/7/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của TT 20/2014/TT-BCT
- Nghị định số 157/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 ban hành biểu thuế ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN - Hàn Quốc giai đoạn 2018-2022.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA ASEAN - NHẬT BẢN

- Quyết định số 44/2008/QĐ-BCT ban hành quy chế cấp giấy chứng nhận xuất xứ mẫu AJ để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản
- Nghị định số 160/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện ASEAN – Nhật Bản giai đoạn 2018-2023.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA ASEAN - AUSTRALIA - NEWZEALAND

- Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24/9/2015 về quy chế xuất xứ AANZFTA.
- Thông tư số 42/2018/TT-BCT ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 31/2015/TT-BCT
- Nghị định số 158/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN-Úc-Niu Dilân giai đoạn 2018-2022.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA ASEAN - ẤN ĐỘ

- Thông tư số 15/2010/TT-BCT ngày 15/04/2010 về quy chế xuất xứ AIFTA.
- Nghị định số 159/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN-Ấn Độ giai đoạn 2018-2022.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN CPTPP

- Thông tư 03/2019/TT-BCT ngày 22/01/2019 quy định Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.
- Nghị định 57/2019/NĐ-CP ngày 26/6/2019 ban hành biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định CPTPP

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN AHKFTA

- Thông tư 21/2019/TT-BCT ngày 08/11/2019 quy định Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại tự do Asean - Hong Cong, Trung Quốc.
- Nghị định 07/2020/NĐ-CP ngày 05/01/2020 ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Asean - Hong Cong, Trung Quốc giai đoạn 2019 - 2022

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN EVFTA

- Thông tư 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 quy định Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu
- Dự thảo

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA VIỆT NAM - NHẬT BẢN

- Thông tư số 10/2009/TT-BCT ngày 18/05/2009 của Bộ CT về Quy chế xuất xứ để thực hiện Hiệp định đối tác kinh tế Việt - Nhật
- Nghị định số 155/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về đối tác kinh tế giai đoạn 2018-2023.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA VIỆT NAM - CHILE

- Thông tư 31/2013/TT-BCT ngày 15/11/2013 quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê
- Thông tư 05/2015/TT-BTC ngày 27/3/2015 sửa đổi bổ sung C/O ban hành kèm theo Thông tư 31/2013/TT-BCT
- Nghị định số 154/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Chi Lê giai đoạn 2018-2022.

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA VIỆT NAM - HÀN QUỐC

- Thông tư 40/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Hàn Quốc
- Thông tư 48/2015/TT-BCT ngày 14/12/2015 bổ sung sửa đổi Thông tư 40/2015/TT-BCT
- Nghị định số 149/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2018-2022

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA VIỆT NAM - LIÊN MINH KINH TẾ Á ÂU

- Thông tư 21/2016/TT-BCT ngày 20/9/2016 quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu.
- Thông tư 11/2018/TT-BCT ngày 29/5/2018 sửa đổi, bổ sung TT 21/2016/TT-BCT
- Nghị định số 150/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa một bên là Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên kia là Liên minh kinh tế Á - Âu và các nước thành viên giai đoạn 2018-2022

VĂN BẢN PHÁP LUẬT THỰC HIỆN FTA VIỆT NAM - CUBA

- Thông tư 08/2020/TT-BCT ngày 08/4/2020 quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại Việt Nam - Cu Ba
- Nghị định số 39/2020/NĐ-CP ngày 03/4/2020 ban hành biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại Việt Nam - Cu Ba giai đoạn 2020 - 2023.

QUY TẮC XUẤT XỨ LÀ GÌ?

**Là luật, quy định và các quyết định hành chính để
xác định nước xuất xứ của hàng hóa**

XUẤT XỨ HÀNG HÓA LÀ GÌ?



LÀ NƯỚC HOẶC VÙNG LÃNH THỔ NƠI
SẢN XUẤT RA TOÀN BỘ HÀNG HÓA

CÓ NHIỀU NƯỚC HOẶC VÙNG
LÃNH THỔ THAM GIA VÀO QUÁ
TRÌNH SẢN XUẤT RA HÀNG HÓA
THÌ XUẤT XỨ HH LÀ NƠI THỰC
HIỆN CÔNG ĐOẠN CHẾ BIẾN CƠ
BẢN CUỐI CÙNG ĐỐI VỚI HÀNG
HÓA



QUY TẮC XUẤT XỨ

```
graph TD; A[QUY TẮC XUẤT XỨ] --> B[ƯU ĐÃI]; A --> C[KHÔNG ƯU ĐÃI]; B --> D[ĐƠN PHƯƠNG]; B --> E[SONG PHƯƠNG]; B --> F[ĐA PHƯƠNG];
```

The diagram is a hierarchical flowchart. At the top is a box labeled 'QUY TẮC XUẤT XỨ'. A line from this box branches into two boxes: 'ƯU ĐÃI' on the left and 'KHÔNG ƯƯU ĐÃI' on the right. From the 'ƯU ĐÃI' box, a line branches into three boxes: 'ĐƠN PHƯƠNG', 'SONG PHƯƠNG', and 'ĐA PHƯƠNG'.

ƯU ĐÃI

KHÔNG
ƯU ĐÃI

ĐƠN
PHƯƠNG

SONG
PHƯƠNG

ĐA
PHƯƠNG

ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG THUẾ SUẤT THUẾ NK ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT

ĐIỀU KIỆN HƯỞNG ƯU ĐÃI THUẾ QUAN

**ĐƯỢC NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM TỪ CÁC
NƯỚC THÀNH VIÊN THAM GIA FTA**

**HÀNG HÓA NHẬP KHẨU PHẢI CÓ MÃ SỐ HS
CỤ THỂ TẠI BIỂU THUẾ DO CHÍNH PHỦ BAN
HÀNH**

ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ VỀ XUẤT XỨ

ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ VỀ VẬN CHUYỂN

**ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ QUY CHẾ CẤP VÀ
KIỂM TRA C/O**

ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG THUẾ SUẤT THUẾ XK ƯU ĐÃI THEO CPTPP VÀ EVFTA

**ĐIỀU KIỆN
HƯỞNG
ƯU ĐÃI
THUẾ
QUAN**

**ĐƯỢC NHẬP KHẨU VÀO LÃNH THỔ CỦA CÁC
NƯỚC THEO QUY ĐỊNH TẠI CPTPP VÀ EVFTA**

**CÓ CHỨNG TỪ VẬN TẢI THỂ HIỆN ĐÍCH ĐẾN
TẠI LÃNH THỔ CỦA CÁC NƯỚC THEO QUY
ĐỊNH TẠI CPTPP VÀ EVFTA**

**CÓ TKHQ NK CỦA LÔ HÀNG XK TỪ VIỆT NAM
NK VÀO CÁC NƯỚC THEO QUY ĐỊNH TẠI
CPTPP VÀ EVFTA**

TIÊU CHÍ XUẤT XỨ

TIÊU CHÍ XUẤT XỨ

HÀNG HÓA CÓ XUẤT XỨ

**XX THUẦN
TÚY (WO)**

**SẢN XUẤT
HOÀN TOÀN
TỪ NGUYÊN
LIỆU CÓ XUẤT
XỨ (PE)**

**CHUYỂN ĐỔI
CĂN BẢN**

AJCEP
AANZFTA
VKFTA
EAVFTA
CPTPP
ACFTA
AHKFTA
VN-CUFTA

RVC/LVC/VAC

CTC

SP

XUẤT XỨ THUẦN TÚY

1	Khoáng sản được khai thác từ lòng đất hoặc đáy biển;
2	Cây trồng và các sản phẩm từ cây trồng được trồng và thu hoạch hoặc thu lượm tại đó;
3	Động vật sống được sinh ra và nuôi dưỡng tại đó;
4	Hàng hoá được chế biến từ động vật sống tại đó;
5	Hàng hóa thu được từ giết mổ động vật sinh ra và nuôi dưỡng tại đó;
6	Hàng hóa thu được từ săn bắn hoặc đánh bắt tại đó;
7	Sản phẩm thu được từ nuôi trồng thủy sản trong đó cá, động vật giáp xác và động vật thân mềm được sinh ra hoặc nuôi dưỡng từ trứng, cá bột, cá nhỏ và ấu trùng;
8	Sản phẩm đánh bắt cá biển và các sản phẩm khác thu được ngoài vùng hãn hải bằng tàu của Bên đó;
9	Sản phẩm được sản xuất ngay trên tàu chế biến của Bên đó từ các sản phẩm được quy định tại điểm trên;
10	Sản phẩm đã qua sử dụng thu được từ Bên đó chỉ phù hợp để tái chế thành nguyên liệu thô;
11	Phế thải, phế liệu thu được từ quá trình sản xuất tại đó;
12	Sản phẩm được khai thác từ đáy biển hoặc dưới đáy biển ngoài vùng lãnh hải nhưng Bên đó có độc quyền khai thác
13	Hàng hoá sản xuất tại Bên đó chỉ từ các sản phẩm được quy định từ điểm (1) đến (12).

XUẤT XỨ KHÔNG THUẦN TÚY

CÁC TIÊU CHÍ VỀ CHUYỂN ĐỔI CĂN BẢN

Tiêu chí chuyển đổi mã
số hàng hóa
CTC

**Tiêu chí
chuyển
đổi căn
bản**

Tiêu chí công đoạn gia
công chế biến cụ thể
SP

Tiêu chí hàm lượng
giá trị khu vực
RVC

CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ HÀNG HÓA (CTC)

LÀ SỰ THAY ĐỔI CƠ BẢN VỀ MÃ SỐ HS (HARMONIZED SYSTEM)



CỦA HÀNG HÓA ĐƯỢC TẠO RA Ở 1 QUỐC GIA THÀNH VIÊN
TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT TỪ NGUYÊN LIỆU KHÔNG CÓ
XUẤT XỨ CỦA QUỐC GIA NÀY

CHUYỂN ĐỔI CHƯƠNG “CC”

LÀ SỰ CHUYỂN ĐỔI BẤT KỲ TỪ 1 CHƯƠNG ĐẾN 1 CHƯƠNG, 1 NHÓM HOẶC 1 PHÂN NHÓM KHÁC CỦA BIỂU THUẾ.

CÓ NGHĨA: TẤT CẢ CÁC NGUYÊN LIỆU KHÔNG CÓ XUẤT XỨ SỬ DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT RA SẢN PHẨM PHẢI TRẢI QUA SỰ CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ HS Ở CẤP ĐỘ **2 SỐ**



CHUYỂN ĐỔI NHÓM “CTH”



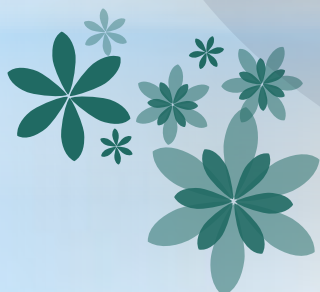
LÀ SỰ CHUYỂN ĐỔI BẤT KỲ TỪ
1 NHÓM ĐẾN 1 CHƯƠNG, 1
NHÓM HOẶC 1 PHÂN NHÓM
KHÁC CỦA BIỂU THUẾ

CÓ NGHĨA: TẤT CẢ NGUYÊN LIỆU
KHÔNG CÓ XUẤT XỨ SỬ DỤNG
TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT RA
SẢN PHẨM PHẢI TRẢI QUA SỰ
CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ HS Ở **CẤP**
ĐỘ 4 SỐ

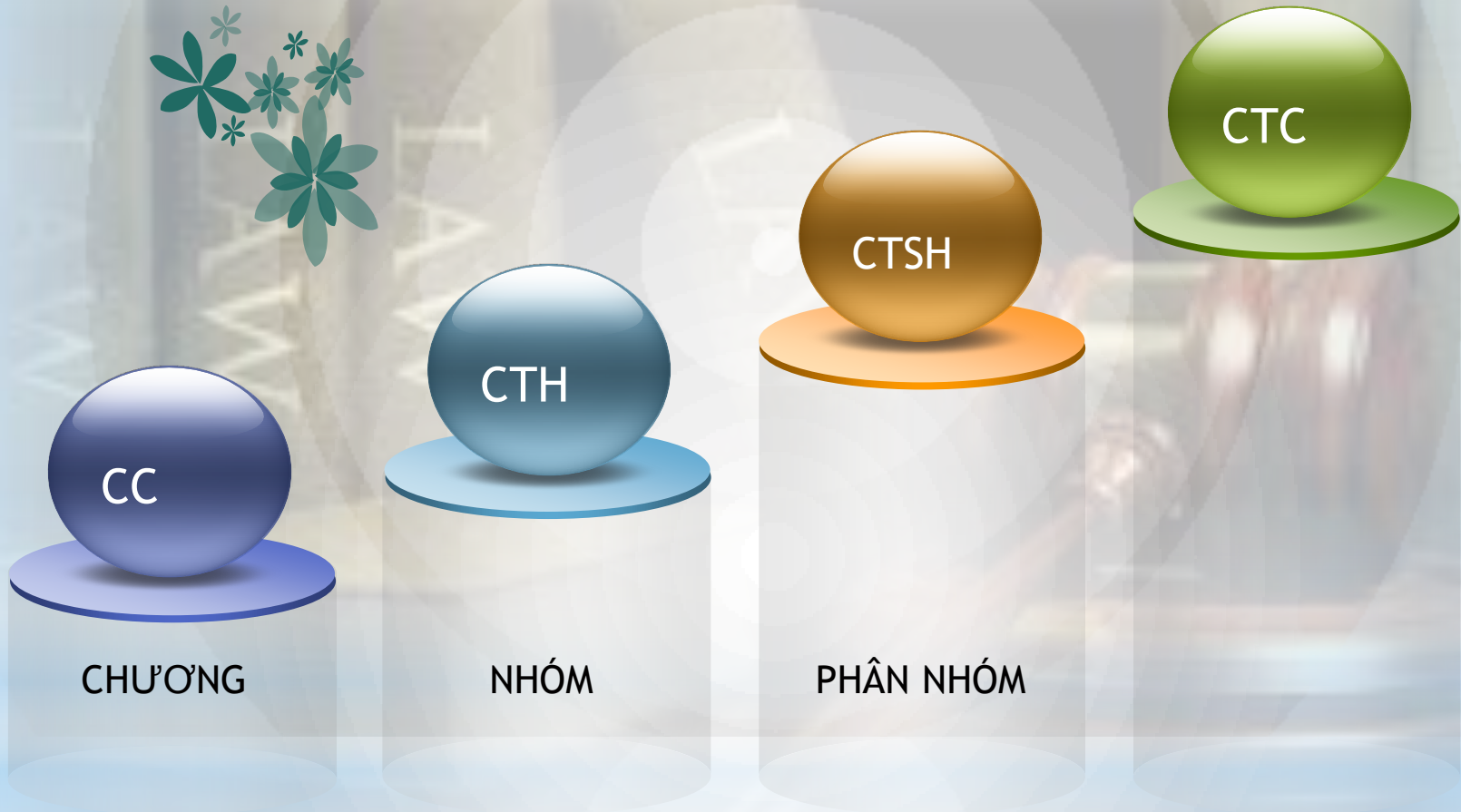
CHANGE IN TARIFF SUB HEADING “CTSH”

CTSH

LÀ SỰ CHUYỂN ĐỔI BẤT KỲ TỪ 1 PHÂN NHÓM ĐẾN 1 CHƯƠNG, 1 NHÓM HOẶC 1 PHÂN NHÓM KHÁC. CÓ NGHĨA: TẤT CẢ CÁC NGUYÊN LIỆU KHÔNG CÓ XUẤT XỨ SỬ DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT RA SẢN PHẨM PHẢI TRẢI QUA SỰ CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ HS Ở **CẤP ĐỘ 6 SỐ**



CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ



CC “CHẶT” HƠN CTH; CTH “CHẶT” HƠN CTSH
CTSH “LỎNG” HƠN CTH; CTH “LỎNG” HƠN CC

CHUYỂN ĐỔI MÃ SỐ HÀNG HÓA (CTC)

**CTC chỉ AD đối với
nguyên liệu không có
xuất xứ**

**Nguyên liệu không có
xuất xứ được sử dụng
để sản xuất ra HH phải
có mã HS khác với mã
HS của thành phẩm mà
chúng tạo nên**

**Ngoại lệ của CTC:
De Minimis**

**Ưu điểm:
Khách quan, đơn giản,
rõ ràng, dễ dự đoán**

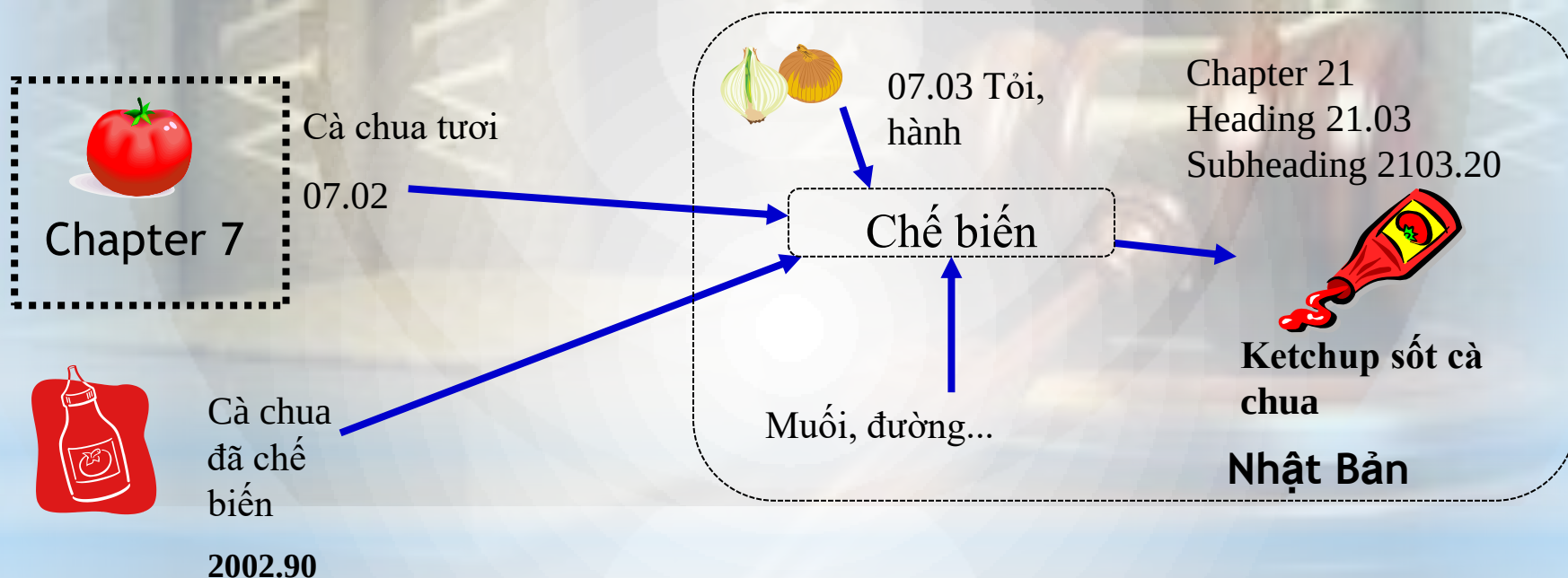
Ví dụ 1: Quy tắc xuất xứ đối với đồng hồ đeo tay thuộc nhóm 9101: “A change to a good of subheading 9101.11 through 9101.29 from any other chapter”

Đồng hồ đeo tay được sản xuất ở Singapore - là một nước thành viên của CPTPP từ các linh kiện thuộc nhóm 9108 và 9103 có xuất xứ ở Singapore, đồng thời nhập khẩu pin thuộc nhóm 8506 từ Trung Quốc.

Vậy đồng hồ đeo tay có đáp ứng quy tắc xuất xứ không?

Ví dụ 3: Nhật Bản dự định xuất khẩu nước sốt cà chua sang các nước thành viên CPTPP. Quy tắc xuất xứ: “CC ngoại trừ phân nhóm 2002.90”. Vậy ketchup sốt cà chua có đáp ứng quy tắc xuất xứ hay không?

Quy trình chế biến diễn ra như sau:



HÀM LƯỢNG GIÁ TRỊ KHU VỰC (RVC)

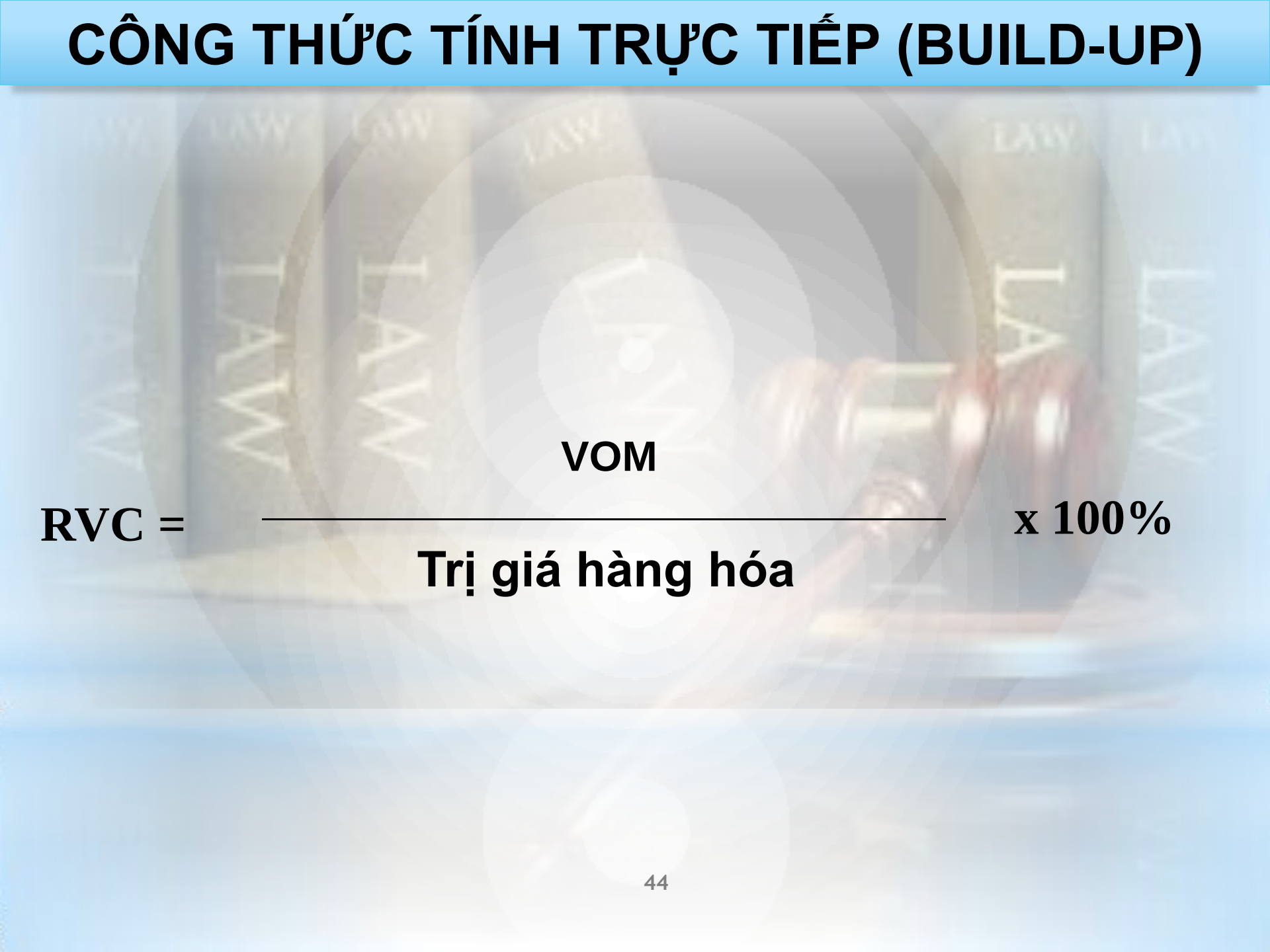
HÀM LƯỢNG GIÁ TRỊ KHU VỰC

LÀ PHẦN GIÁ TRỊ GIA TĂNG CÓ ĐƯỢC SAU KHI QUỐC GIA THÀNH VIÊN SẢN XUẤT CÁC NGUYÊN LIỆU KHÔNG CÓ XUẤT XỨ SO VỚI TỔNG TRỊ GIÁ CỦA HÀNG HÓA ĐƯỢC SẢN XUẤT RA



TÍNH THEO CÔNG THỨC:

CÔNG THỨC TÍNH TRỰC TIẾP (BUILD-UP)



The background of the slide features a blurred image of several law books with the word 'LAW' visible on their spines, and a wooden gavel resting on a surface in the foreground.

$$\text{RVC} = \frac{\text{VOM}}{\text{Trị giá hàng hóa}} \times 100\%$$

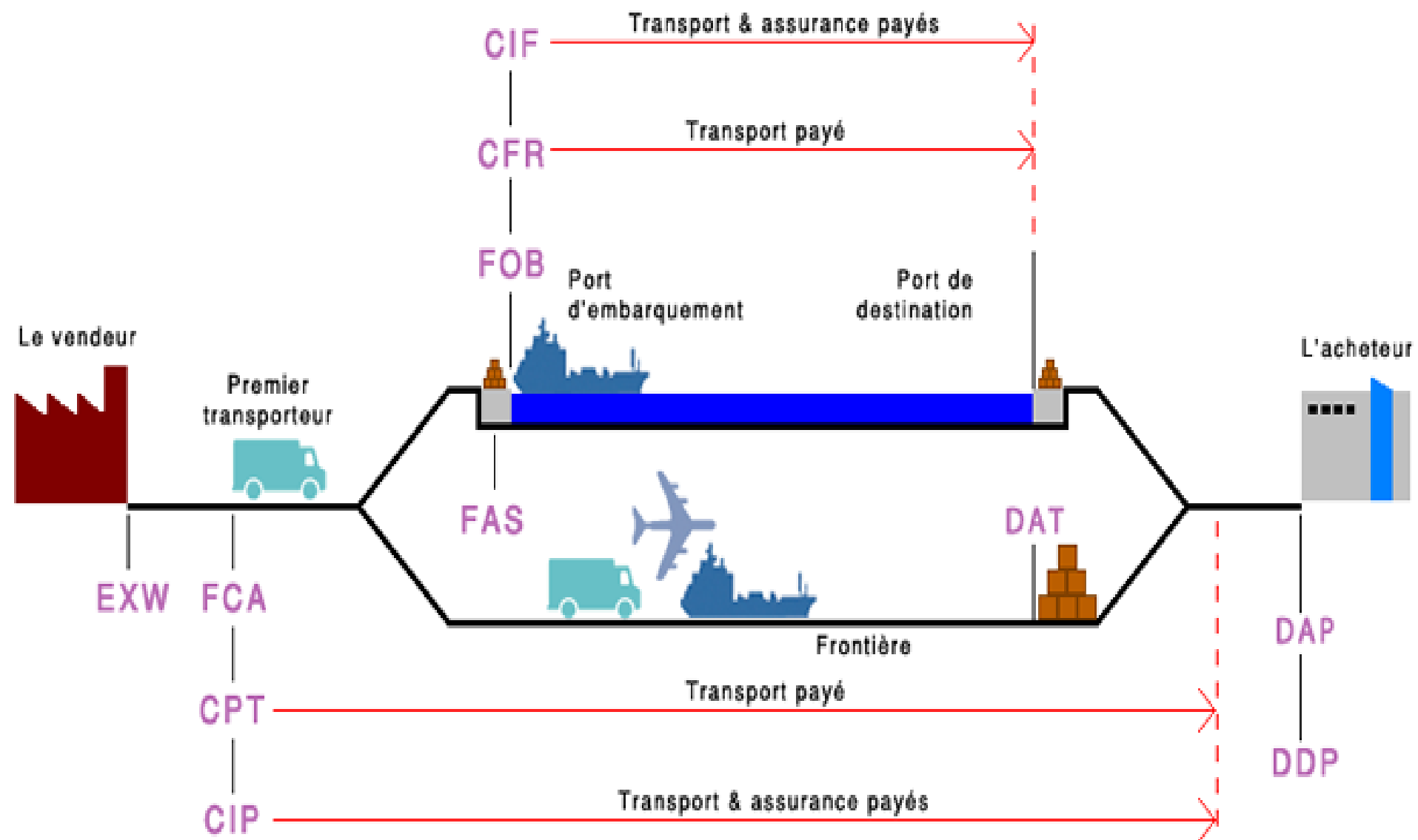
CÔNG THỨC TÍNH GIẢN TIẾP (BUIL-DOWN)

$$\text{RVC} = \frac{\text{Trị giá hàng hóa – VNM}}{\text{Trị giá hàng hóa}} \times 100\%$$

Lưu ý:

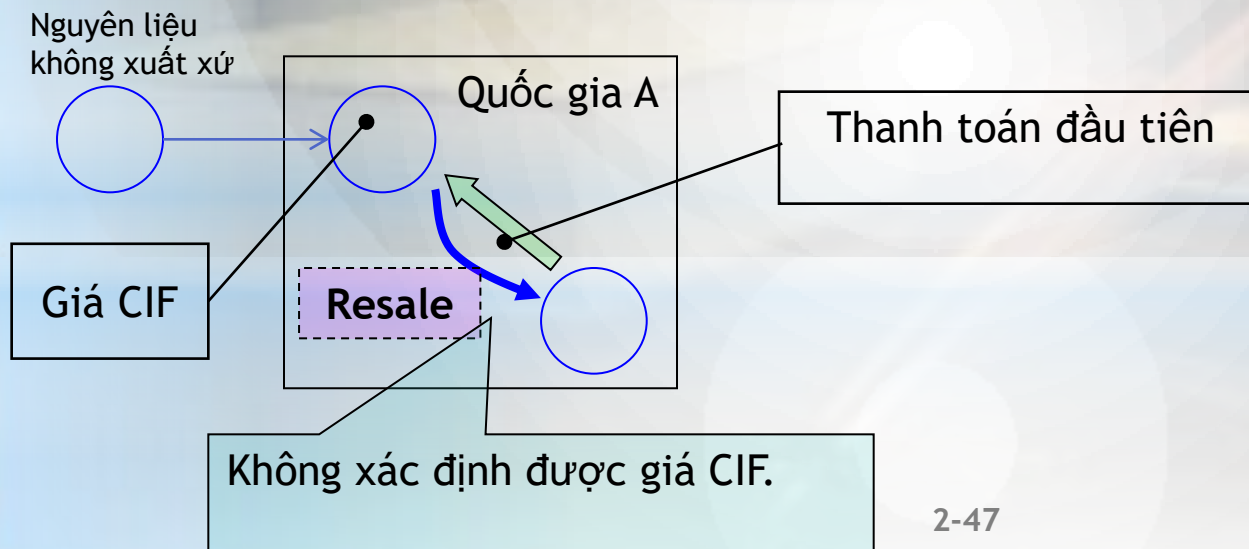
- Xác định được trị giá hàng hóa?
- Xác định nguyên vật liệu không xuất xứ là gì?
Cách tính trị giá của nguyên vật liệu không xuất xứ?

TRỊ GIÁ HÀNG HÓA?



TRỊ GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU KHÔNG XUẤT XỨ?

- Giá CIF tại thời điểm nhập khẩu hoặc việc nhập khẩu có thể được chứng minh; hoặc
- Giá mua đầu tiên của các hàng hoá không xác định được xuất xứ tại lãnh thổ của Nước thành viên nơi diễn ra việc sản xuất hoặc chế biến.



EVFTA

$$\text{RVC} = \frac{\text{VNM}}{\text{GIÁ EXW}} \times 100\%$$

$$\text{RVC} \leq \dots\%$$

Ví dụ: Một nhà sản xuất thuộc CPTPP sản xuất tấm kính cốt lưới thép mã HS 7005.30 từ kính đúc có mã HS 7003.12 and dây thép thuộc nhóm 7217. Các sản phẩm này được nhập khẩu từ Brazil. Sau đó tấm kính cốt lưới thép này được bán cho nhà nhập khẩu Úc với giá là 200\$/tấm (không bao gồm phí vận chuyển quốc tế).

Kính đúc nhập khẩu: 18\$/kg, mỗi tấm kính sử dụng 5 kg kính đúc. Chi phí của nguyên liệu có xuất xứ là 40\$/tấm. Chi phí của dây thép là 30\$.

Phụ lục PSR quy định: Quy tắc xuất xứ đối với nhóm 7005: CTH, ngoại trừ từ nhóm 70.03 đến 70.04; hoặc RVC không thấp hơn:

- 30% theo công thức tính trực tiếp; hoặc
- 40% theo công thức tính gián tiếp
- **Tấm kính cốt lưới thép có đáp ứng quy tắc xuất xứ?**

CÔNG ĐOẠN GIA CÔNG CHẾ BIẾN CỤ THỂ (SP)

SPECIFIC PROCESSES “S.P”

=> QUY ĐỊNH RÕ NHỮNG QUY TRÌNH, CÔNG
ĐOẠN NÀO PHẢI ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG
QUÁ TRÌNH SX ĐỂ HÀNG HÓA ĐƯỢC COI LÀ
CÓ XUẤT XỨ



Ví dụ (CPTPP):

6110.20 (Áo bông): CC, ngoại trừ từ nhóm 51.06 đến 51.13, 52.04 đến 52.12 hoặc 54.01 đến 54.02, phân nhóm 5403.33 đến 5403.39 hoặc 5403.42 đến 5403.49, hoặc nhóm 54.04 đến 54.08, 55.08 đến 55.16 hoặc 60.01 đến 60.06, với ***điều kiện sản phẩm được cắt hoặc dệt thành hình, hoặc cả hai, và được may hoặc ghép bằng cách khác tại lãnh thổ của một hoặc nhiều Nước thành viên***

CÔNG ĐOẠN GIA CÔNG CHẾ BIẾN ĐƠN GIẢN

- Điều 9 Nghị định 31/2018/NĐ-CP:

- * Công đoạn gia công, chế biến sau đây khi được thực hiện riêng rẽ hoặc kết hợp với nhau, được xem là đơn giản và không được xét đến khi xác định xuất xứ hàng hóa tại một nước, nhóm nước, hoặc vùng lãnh thổ:
 - * 1. Các công việc bảo quản hàng hóa trong quá trình vận chuyển và lưu kho (thông gió, trải ra, sấy khô, làm lạnh, ngâm trong muối, xông lưu huỳnh hoặc thêm các phụ gia khác, loại bỏ các bộ phận bị hư hỏng và các công việc tương tự).
 - * 2. Các công việc như lau bụi, sàng lọc, chọn lựa, phân loại (bao gồm cả việc xếp thành bộ) lau chùi, sơn, chia cắt ra từng Phần.
 - * 3. Thay đổi bao bì đóng gói và tháo dỡ hay lắp ghép các lô hàng; đóng chai, lọ, đóng gói, bao, hộp và các công việc đóng gói bao bì đơn giản khác.

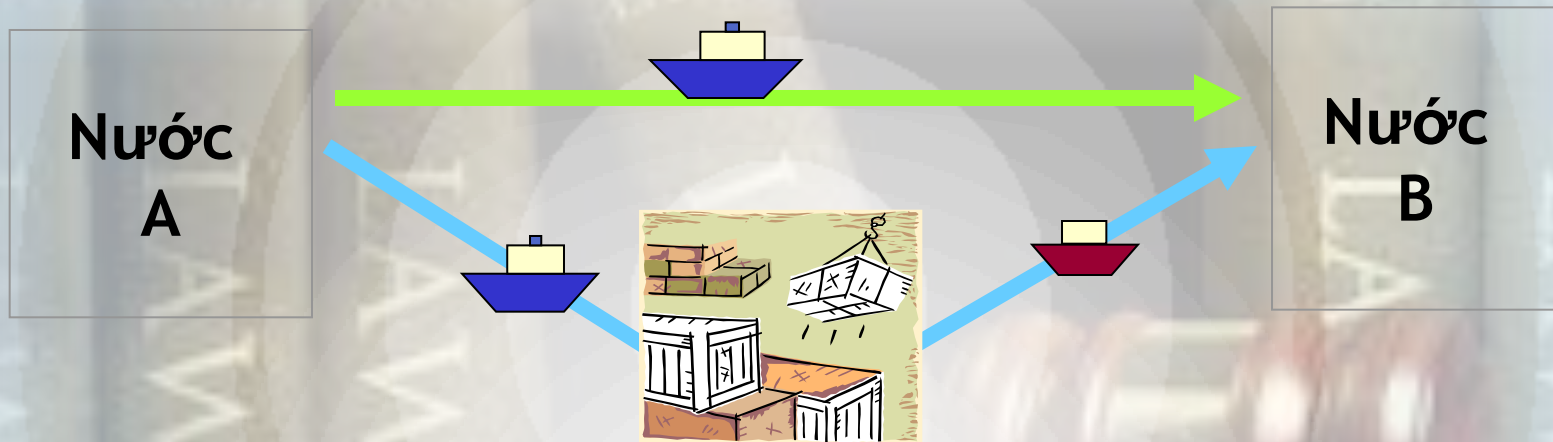
CÔNG ĐOẠN GIA CÔNG CHẾ BIẾN ĐƠN GIẢN

- Điều 9 Nghị định 31/2018/NĐ-CP:

- * 4. Dán lên sản phẩm hoặc bao gói của sản phẩm các nhãn hiệu, nhãn, mác hay các dấu hiệu phân biệt tương tự.
- * 5. Trộn đơn giản các sản phẩm, dù cùng loại hay khác loại.
- * 6. Lắp ráp đơn giản các bộ phận của sản phẩm để tạo nên một sản phẩm hoàn chỉnh.
- * 7. Kết hợp của hai hay nhiều công việc đã liệt kê từ Khoản 1 đến Khoản 6 Điều này.
- * 8. Giết, mổ động vật.

TIÊU CHÍ VẬN CHUYỂN (VẬN CHUYỂN TRỰC TIẾP)

Tiêu chí vận chuyển

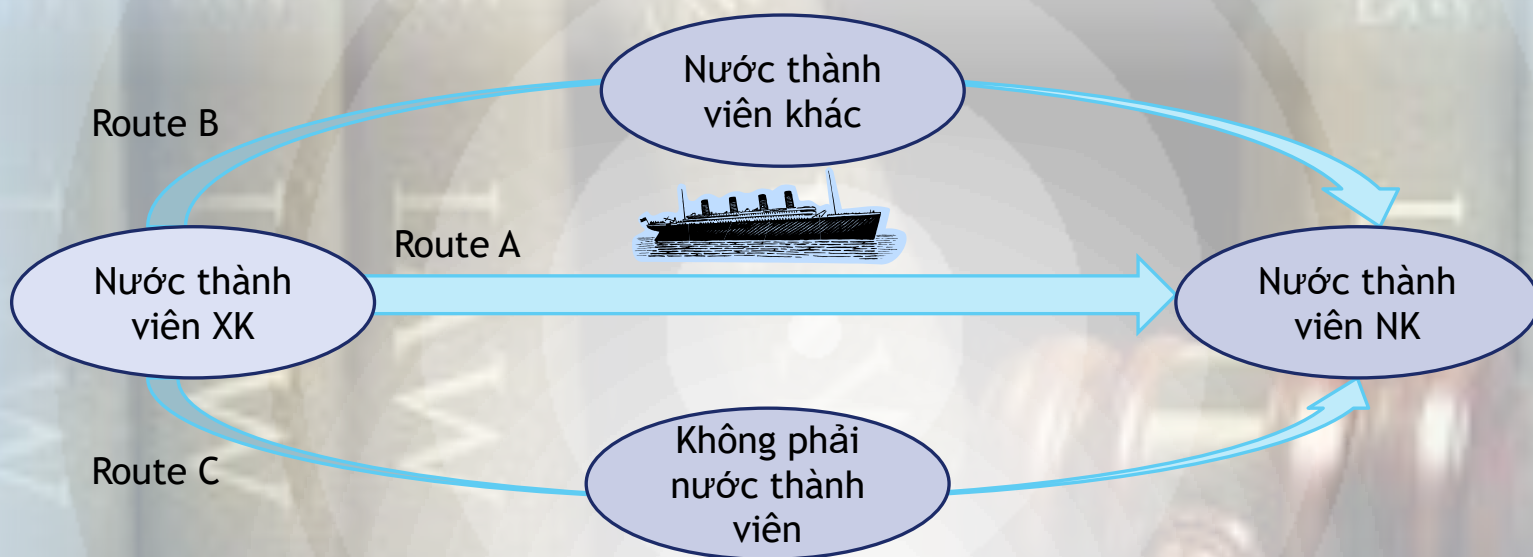


Nước thứ 3

“Tiêu chí vận chuyển” là tiêu chí để xác định hàng hóa có còn giữ nguyên xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan trong quá trình vận chuyển từ 1 nước thành viên sang 1 nước thành viên khác.

Điều kiện để đáp ứng tiêu chí này:

- i. Vận chuyển trực tiếp;
- ii. Nếu chuyển tải thì chỉ nhằm mục đích bốc, dỡ hay bất kỳ hành động cần thiết nào để giữ hàng hóa trong tình trạng tốt.



Cần phải đáp ứng yêu cầu sau:

1. Không trải qua bất kỳ công đoạn sản xuất, gia công nào ngoại trừ:

- Bốc, dỡ hàng, chia tách lô hàng, lưu kho, dán nhãn hoặc đánh dấu theo yêu cầu của nước thành viên NK hoặc
- Các hoạt động cần thiết khác để bảo quản hàng hóa trong tình trạng tốt hoặc để vận chuyển hàng hóa tới lãnh thổ nước thành viên NK

2. Dưới sự giám sát của CQHQ 57

VẬN CHUYỂN TRỰC TIẾP

Khi hàng hóa được vận chuyển qua nước trung gian không phải là nước thành viên, các chứng từ phải nộp cho CQHQ nước NK

Vận đơn chở suốt do nước thành viên XK cấp

Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O)

Bản sao của Hóa đơn thương mại

Các chứng từ khác

CHỨNG TỪ CHỨNG MINH HH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VẬN CHUYỂN TRỰC TIẾP

- * Xác nhận của cơ quan HQ nước quá cảnh/hãng vận tải phát hành vận đơn.
- * Xác nhận của chi nhánh, đại lý, công ty con kèm giấy ủy quyền của hãng vận tải.
- * Vận đơn và lệnh giao hàng thể hiện số container, số chì không thay đổi (Hàng đóng nguyên container)

PHẦN II:

KIỂM TRA VÀ XÁC ĐỊNH XUẤT XỨ HÀNG HÓA

CÁC TRƯỜNG HỢP PHẢI NỘP CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ (Điều 4, 6, TT38)

Các TH phải nộp CTCNXX

* Các TH phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP:

- Hàng hoá được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt.
- Hàng hoá nhập khẩu phải tuân thủ theo các chế độ quản lý nhập khẩu đặc biệt.
- Hàng hoá nhập khẩu đang ở trong thời điểm có nguy cơ gây hại đến an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng hoặc vệ sinh môi trường.
- Hàng hoá nhập khẩu bị áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ giá, các biện pháp tự vệ, biện pháp hạn ngạch thuế quan, biện pháp hạn chế số lượng.

* TH phải nộp theo quy định tại Điều 24 Luật Hải quan thực hiện theo Danh mục hàng hóa quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư

Các TH không phải nộp CTCNXX

- Hàng xuất khẩu
- Hàng hoá nhập khẩu hưởng thuế suất MFN hoặc thông thường.
- Hàng hoá nhập khẩu hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt có trị giá FOB ≤ 200 USD, (VKFTA ≤ 600USD), CPTPP ≤ 1000USD)

CÁC LỖI NHỎ VÀ BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Trường hợp không có nghi ngờ về xuất xứ, việc phát hiện những lỗi nhỏ sau đây không làm mất hiệu lực của C/O nếu những khác biệt đó vẫn phù hợp với hàng hóa nhập khẩu thực tế:

1. Lỗi chính tả hoặc đánh máy không làm thay đổi nội dung khai trên chứng từ cnxx;
2. Khác biệt trong cách đánh dấu tại các ô trên C/O: đánh dấu bằng máy hoặc bằng tay, đánh dấu bằng “x” hay “√”, nhầm lẫn trong việc đánh dấu
3. Khác biệt nhỏ giữa chữ ký trên C/O và chữ ký mẫu;
4. Khác biệt về đơn vị đo lường trên C/O và các chứng từ khác (hóa đơn, vận tải đơn,...);

5. Sự khác biệt giữa khổ giấy của C/O nộp cho cơ quan hải quan với mẫu C/O theo quy định;
6. Sự khác biệt về màu mực (đen hoặc xanh) của các nội dung khai báo trên C/O;
7. Sự khác biệt nhỏ trong mô tả hàng hóa trên chứng từ chứng nhận xuất xứ và chứng từ khác;
8. Sự khác biệt mã số trên C/O với mã số trên tờ khai hải quan nhập khẩu nhưng không ảnh hưởng đến bản chất xuất xứ của hàng hóa và hàng hóa thực tế nhập khẩu phải phù hợp với mô tả hàng hóa trên chứng từ cnxx

THỜI ĐIỂM NỘP CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

Hàng hóa được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt:

➤ Đối với các mẫu C/O (trừ VK/KV, CPTPP, EAV):

- Nộp bản chính tại thời điểm làm thủ tục hải quan (tính từ thời điểm đăng ký tờ khai đến trước khi hàng hóa được thông quan).
- TH chưa có bản chính , người khai phải khai báo việc nộp bổ sung C/O trên tờ khai và nộp C/O trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai. Trong thời gian chưa nộp C/O=> khai báo theo mức thuế MFN

THỜI ĐIỂM NỘP CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

- Đối với C/O VK/KV, chứng từ CNXX theo CPTPP:
 - Nộp bản chính tại thời điểm làm thủ tục hải quan (tính từ thời điểm đăng ký tờ khai đến trước khi hàng hóa được thông quan).
 - TH không có bản chính C/O tại thời điểm làm thủ tục hải quan, người khai phải khai báo việc nộp bổ sung C/O trên tờ khai và nộp C/O trong vòng 01 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan. Trong thời gian chưa nộp C/O=> khai báo thuế suất MFN

THỜI ĐIỂM NỘP CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

➤ Đối với C/O EAV:

- Nộp bản chính tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan đối với TH khai tờ khai giấy và tại điểm nộp các chứng từ giấy thuộc hồ sơ hải quan với TH khai hải quan điện tử.
- Ngoài thời hạn nêu trên CQHQ chỉ xem xét đề nghị nộp bổ sung C/O trong TH: Nếu do lỗi hoặc sai sót không cố ý trên bản gốc Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, cơ quan được ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa thay thế cho bản gốc Giấy chứng nhận xuất xứ. Trong trường hợp này, Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải ghi rõ cụm từ “ISSUED IN SUBSTITUTION FOR THE CERTIFICATE OF ORIGIN NUMBER _____ DATE _____”. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cấp thay thế này có hiệu lực không quá 12 tháng kể từ ngày cấp bản gốc Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

THỜI ĐIỂM NỘP CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

Trường hợp khác phải nộp CTCNXX: nộp tại thời điểm làm thủ tục hải quan

THỜI ĐIỂM NỘP CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ

Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nộp cho cơ quan hải quan phải còn trong thời hạn hiệu lực bao gồm cả chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa được cấp mới thay thế, sửa lỗi, cấp sau hoặc bản sao chứng thực theo quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

KIỂM TRA C/O

Tra cứu thông tin trên dữ liệu điện tử:

- * C/O có trên website của cơ quan cấp:
 - Truy cập vào trang web: VD đối với CO form AK
<http://cer.korcham.net> (Authenticity of a document certified by KCCI)
 - <http://english.customs.go.kr> (Information plaza/C/O)
 - Đối chiếu thông tin trên website và bản giấy CO
 - Lưu hồ sơ bản giấy CO và bản in từ website
- * C/O được truyền điện tử:
 - Tiếp nhận C/O trên hệ thống
 - Cập nhật việc nhận C/O trên hệ thống

KIỂM TRA C/O

KIỂM TRA
HÌNH THỨC

KIỂM TRA
NỘI DUNG

KIỂM TRA HÌNH THỨC

- * Khi kiểm tra chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, cơ quan hải quan kiểm tra để xác định các tiêu chí phải được khai đầy đủ trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa và các tiêu chí khai trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải phù hợp với chứng từ khác trong hồ sơ hải quan.
- * Người khai hải quan không được tự ý sửa chữa các nội dung trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, trừ trường hợp việc sửa chữa do chính cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thực hiện theo quy định pháp luật và quy định tại Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

HÌNH THỨC C/O

- FORM D, FORM E,
- FORM AK, FORM AI,
- FORM AANZ,
- FORM AJ, VJ,
- FORM VC, VK, EAV

& TÊN CỦA QUỐC GIA CẤP C/O

TRÊN C/O PHẢI THỂ HIỆN KÝ HIỆU:

HÌNH THỨC

KÍCH THƯỚC,
MÀU SẮC,
NGÔN NGỮ,
MẶT SAU

SỐ THAM CHIẾU

MỖI C/O ĐỀU CÓ SỐ
THAM CHIẾU RIÊNG

TIÊU CHÍ C/O

PHẢI THỂ HIỆN ĐẦY ĐỦ
CÁC NỘI DUNG

Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa phải có chữ ký của người sản xuất hoặc người xuất khẩu, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác hoặc chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa được cấp dưới dạng điện tử truyền qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

DIAMET KLANG (MALAYSIA) SDN BHD
LOT 26, LEBOH SULTAN MOHAMMED I
BANDAR SULTAN SULEIMAN
42000 PORT KLANG, SELANGOR.

2. Goods consigned to (Consignee's name, address, country)

SHOWA AUTO-PARTS VIETNAM CO.,LTD.
M6 LOT,THANG LONG INDUSTRIAL PARK,
DONG ANH
HANOI VIETNAM

3. Means of transport and route (as far as known)

Departure Date:

01 July 2012 by MARTINE

Vessel's Name/Aircraft, etc.:

HUB GRANDIOSE / HERDTUN

Port of Discharge:

HAIPHONG

5. Item
number

6. Marks and numbers on packages

7. Number and type of packages, description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the importing country)

8. Origin criterion (see Overleaf Notes)

B. Gross weight or other quantity

10. Number and date of invoices	
---------------------------------	--

Region Value Content 78.99%

DE 8714.19.00.90

DIE 8714.19.00.90

TOTAL:

59

11. Declaration by the exporter

The undersigned hereby declares that the above statement are correct; that all the goods were produced

MALAYSIA
(Country)

and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the ASEAN Trade in Goods Agreement for the goods exported to

~~VIETNAM~~
(Importing Country)

SEAH LEONG SAN

Place and date, signature of authorized signatory

13.

☐ Third-Country Invoicing☐ Accumulation☐ Back-to-Back CO☐ Exhibition☐ De Minimis☐ Issued Retroactively

12. Certification

It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.

Minist

for Secretary General
Ministry of International Trade and Industry
Nagasaki

Kuala Lumpur, 02 July 2012

[CPT-OCF-W-120630-KL-0005]

Place and date, signature and stamp of certifying authority

NỘI DUNG C/O

Đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ không có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam thuộc trường hợp phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Điều 4 Thông tư 38, cơ quan hải quan kiểm tra việc khai đầy đủ các tiêu chí sau trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa:

- a) Người xuất khẩu;
- b) Người nhập khẩu;
- c) Phương tiện vận tải;
- d) Mô tả hàng hóa, mã số hàng hóa;
- đ) Số lượng, trọng lượng hoặc khối lượng hàng hóa;
- e) Nước, nhóm nước, vùng lãnh thổ xuất xứ hàng hóa;
- g) Ngày/tháng/năm cấp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa;
- h) Chữ ký trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

NỘI DUNG C/O

Đối với hàng hóa nhập khẩu từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu trong quan hệ thương mại với Việt Nam: kiểm tra các tiêu chí phải được khai đầy đủ, hợp lệ trên chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo đúng mẫu quy định tại Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- * Dấu, chữ ký
- * Hiệu lực của C/O
- * Sự phù hợp thống nhất giữa các thông tin trên C/O và giữa C/O với các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan (Tên người NK, tên hàng, lượng hàng, mã HS, trị giá, hóa đơn TM)
- * Tiêu chí xuất xứ
- * Hành trình vận chuyển lô hàng
- * C/O cấp sau
- * C/O giáp lưng
- * C/O cấp thay thế



MỘT SỐ LƯU Ý

THỜI ĐIỂM CẤP C/O

- * Trước ngày xuất khẩu.
- * Thời điểm XK hoặc trong vòng 03 ngày kể từ ngày XK.
- * Sau thời điểm xuất khẩu (không quá 1 năm kể từ ngày giao hàng)



KIỂM TRA TIÊU CHÍ XUẤT XỨ

- Hàng hóa có xuất xứ:
 - + Xuất xứ thuần túy: WO
 - + Xuất xứ không thuần túy:
- Trình tự kiểm tra hàng có XX không thuần túy:
 - (1): tra cứu Danh mục sản phẩm cụ thể (PSR).
 - (2) Tiêu chí khác: RVC/CTH/SP/....

QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN ĐỔI CĂN BẢN

CÁC FTAs		QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN ĐỔI CĂN BẢN	
		Quy tắc chung	Quy tắc cụ thể mặt hàng (PSR)
ATIGA	VCFTA	Chuyển đổi mã HS ở cấp 4 số (CTH) hoặc RVC >= 40%	PSR được áp dụng cho hàng hóa không áp dụng quy tắc chung
AKFTA	VJEPA		
AJCEP	VN-CUFTA		
ACFTA			
AANZFTA		Quy tắc cụ thể mặt hàng PSR	
VKFTA			
VN-EAEUFTA			
CPTPP			
EVFTA			
AIFTA		Quy tắc chung RVC>=35% + CTSH (chuyển đổi mã HS cấp 6 số)	
AHKFTA		RVC >= 40%	PSR được áp dụng cho hàng hóa không áp dụng quy tắc chung

VÍ DỤ: KIỂM TRA TIÊU CHÍ

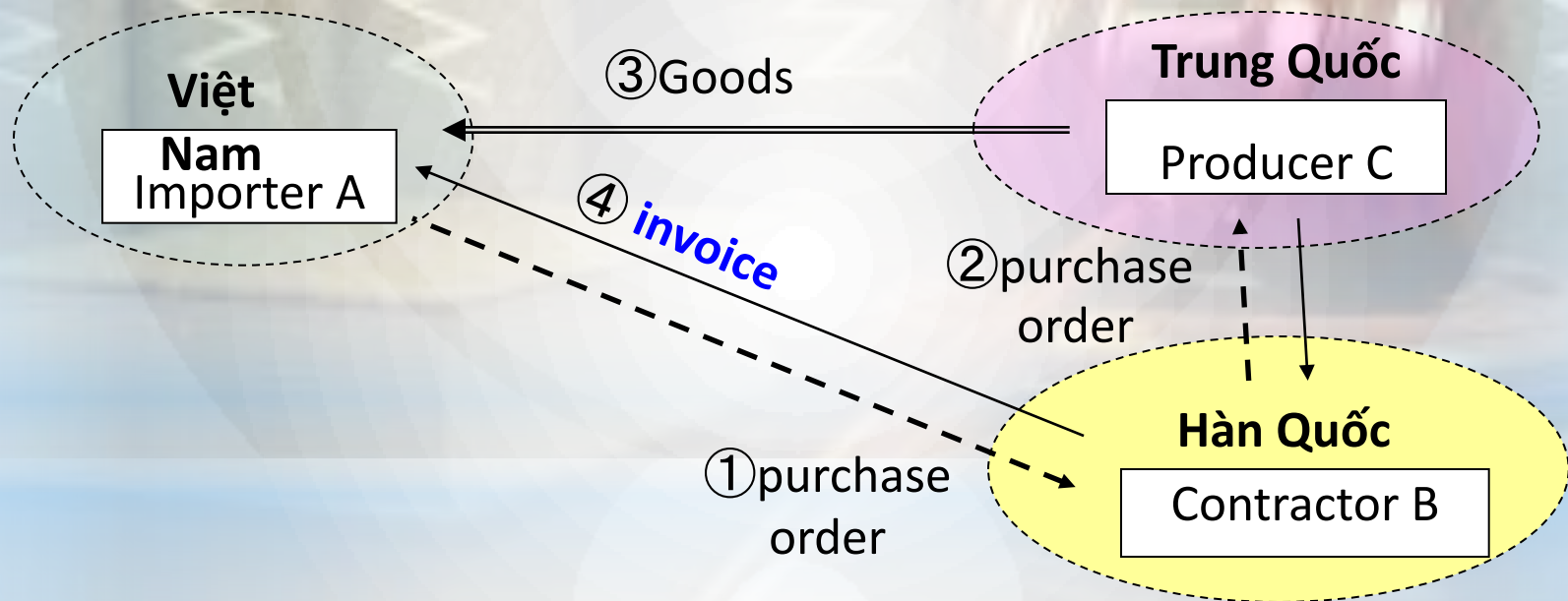
- C/O mẫu D thể hiện tại ô số 8 với mã HS: 2103.90 là CTSH
- Mã HS trên Tờ khai: 1603.00

Quy tắc chung: RVC (40) hoặc CTH

=> Công ty có được hưởng ưu đãi thuế quan không?

HÓA ĐƠN BÊN THỨ 3

Hình minh họa: C/O do Trung Quốc phát hành, hóa đơn thương mại do Hàn Quốc phát hành



Hóa đơn nước thứ ba

1. Goods consigned to (Name, address, country) ZAIMU INTERN/ 1111-1 CENTER WATKET A, MUANG CHIANGMAI THAILAND		(AJCEP AGREEMENT) CERTIFICATE OF ORIGIN FORM AJ Issued in THAILAND (Country) See Notes Overleaf	
2. Goods consigned to (Importer's/Consignee's name, address, country) ZEIKAN SHOJI CO.,LTD. 2-7-11 AOMI, KOTO-KU, TOKYO, JAPAN		4. For Official Use ☐ Preferential Treatment Given Under AJCEP Agreement ☐ Preferential Treatment Not Given (Please state reason/..... Signature of Authorised Signatory of the Importing Country	
3. Means of transport and route (as far as known) By sea from CHIANGMAI, THAILAND		10. Number and date of Invoices ZP001 March 8, 2011	
5. Description of goods (including quantity where appropriate and HS number of the Importing Party) Men's SUITS HS CODE : 6203.11 HI JK Company zzz, xx, Amoy, China		8. Origin criteria (see Notes overleaf) CTC "DMI"	9. Quantity (gross or net weight or other quantity) and value, e.g. FOB if required by exporting Party GROSS WEIGHT: 4,700KGM
11. Declaration by the exporter The undersigned hereby declares that the above details and statements are correct; that all the goods were produced in		12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.	
13. ☒ Third Country Invoicing ☐ Back-to-Back CO ☐ Issued Retroactively		Official Seal Signature CHIANGMAI March 9, 2011 Place and date, signature and stamp of certifying authority 82	

Tên và địa chỉ của người phát hành hóa đơn nước thứ ba phải được ghi vào ô số 7.

Số và ngày của hóa đơn phải được ghi vào ô số 10

Đồng thời phải tích vào "Third Country Invoicing" ở ô số 13(✓).

Signature by exporter

CẤP LẠI C/O

- Trong trường hợp C/O bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng, trước khi hết thời hạn hiệu lực của C/O, nhà xuất khẩu có thể yêu cầu cơ quan cấp C/O cấp lại một bản sao chứng thực của C/O gốc. Bản sao này mang số và ngày cấp của C/O gốc và phải mang dòng chữ “**CERTTIFIED TRUE COPY**” ở ô 12

CẤP MỚI THAY THẾ C/O

- Form D: Đối với những C/O mắc lỗi nhỏ, tổ chức cấp C/O có thể sửa thông tin, ký và đóng dấu vào chỗ sửa hoặc cấp C/O mới. Trong TH cấp C/O mới với số tham chiếu mới, số tham chiếu của C/O gốc được đề cập trên bản sao C/O bằng cách ghi dòng chữ “Replacing C/O ref...”

XỬ LÝ CÁC THẶC BIỆT

- Trường hợp người khai hải quan nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ cấp cho cả lô hàng nhưng chỉ nhập khẩu một phần của lô hàng thì cơ quan hải quan chấp nhận chứng từ chứng nhận xuất xứ đó đối với phần hàng hoá thực nhập;
- Trường hợp số lượng hoặc trọng lượng thực tế hàng NK vượt quá số lượng hoặc trọng lượng hàng ghi trên chứng từ chứng nhận xuất xứ thì lượng hàng vượt quá không được hưởng ưu đãi

TỪ CHỐI CHỨNG TỪ CNXX (Điều 22, TT38)

- a) Đối với hàng hóa nhập khẩu phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 TT38/2018, trường hợp đủ cơ sở xác định chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa không hợp lệ thì từ chối chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa; hàng hóa nhập khẩu áp dụng mức thuế suất MFN hoặc thuế suất thông thường;
- b) Trường hợp đủ cơ sở xác định chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa không hợp lệ đối với hàng hóa nhập khẩu phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 4 TT 38 thì từ chối chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa và xử lý theo quy định; đối với hàng hóa quy định tại khoản 2 Điều 4 TT 38 thì từ chối chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, hàng hóa không được thông quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
- c) Đối với hàng hóa nhập khẩu phải nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 TT 38, trường hợp đủ cơ sở xác định chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa không hợp lệ thì hàng hóa nhập khẩu bị áp mức thuế chống bán phá giá hoặc thuế chống trợ cấp hoặc thuế tự vệ hoặc thuế suất ngoài hạn ngạch thuế quan và được thông quan theo quy định.



HẢI QUAN VIỆT NAM

Chuyên nghiệp, Minh bạch, Hiệu quả

Thank You!



Chân thành